TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày: 17-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Ông Trần Văn Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và thông báo dời ngày xét xử ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trần Khương D (Tên gọi khác: không), sinh ngày 29 tháng 5 năm 1980. Tại Trà Vinh; Nơi thường trú: số G, khóm I, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: số G, khóm I, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1953 và bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1954; anh, chị, em ruột 01 người: lớn nhất sinh năm 1978 nhỏ nhất bị cáo; Vợ Nguyễn Thị Thanh T (chết), có 02 con, lớn 18 tuổi và nhỏ 17 tuổi.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự ngày 24/12/2023 bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam ngày: 24/12/2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trương Thành S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số H, khóm C, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/9/2023, bị cáo Nguyễn Trần Khương D đi bộ một mình đến căn nhà của ông Trương Thành S, sinh ngày 04/12/1979, nơi thường trú: số 803/3, khóm C, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đang xây dựng ở khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để lấy trộm tài sản. Do đã từng làm thuê cho ông S nên bị cáo biết rõ căn nhà này đang trong quá trình xây dựng và hằng ngày có để lại 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59X2-004.99; nhãn hiệu Suzuki, loại Viva; số máy: 8VN-114690; số khung: FVN-114690; dung tích 110; màu xanh nhưng không có người trông giữ (Có giấy đăng ký xe trong cốp). Khi đến nơi, bị cáo đi ra phía sau nhà lấy giá võng gần đó để đứng lên rồi trèo qua bức tường đang xây dựng đột nhập vào bên trong. Bị cáo nhìn thấy xe mô tô biển số 59X2-004.99, có sẵn chìa khóa trên xe nhưng do cửa rào đã khóa nên bị cáo không thể lấy trộm được. Do đó bị cáo ngủ lại trong căn nhà này để chờ thời cơ thuận lợi lấy trộm xe mô tô trên. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, ông S mở cửa rào để lấy bàn ghế trong nhà dọn ra ngoài kinh doanh nước giải khát. Lợi dụng lúc này, bị cáo lét lút dẫn xe mô tô biển số 59X2-004.99 ra ngoài rồi nổ máy xe, điều khiển đến tiệm cầm đồ 979, thuộc ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Đỗ Văn H, sinh ngày 30/01/1982, thường trú tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm chủ bán được số 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng). Có được số tiền này, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Bị cáo Nguyễn Trần Khương D khai và thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Thành S có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị trộm, do ông đã nhận lại đủ tài sản.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Đỗ Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Trần Khương D bồi thường số tiền 4.200.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 49/BKLĐGTS, ngày 24/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Viva, màu xanh, biển số 59X2-004.99

có giá trị thành tiền tại thời điểm chiếm đoạt là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh tạm giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59X2-004.99; nhãn hiệu Suzuki, số loại Viva; loại xe hai bánh; số máy: 8VN-114690; số khung: FVN-114690; dung tích 110; màu xanh; bị trầy xước nhiều chổ, không kiểm tra chất lượng bên trong. Đã trả cho ông Trương Thành S xong.

Đối với ông Đỗ Văn H khi mua xe mô tô biển số 59X2-004.99, không biết tài sản trên là do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Trần Khương D khai nhận vào khoảng 00 giờ ngày 15/9/2023, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô tại nhà nghỉ A1 thuộc ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh tiếp nhận điều tra theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS, ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Trần Khương D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Khương D đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Khương D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2023; về trách nhiệm dân sự bị hại ông Trương Thành S đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô biển số 59X2-004.99; nhãn hiệu Suzuki, số loại Viva; loại xe hai bánh; số máy: 8VN-114690; số khung: FVN-114690; dung tích 110; màu xanh và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra giải quyết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 4.200.000 đồng bị cáo thống nhất bồi thường xét đây là yêu cầu hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn H.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Trần Khương D: Cha mẹ bị cáo đã lớn tuổi, hai con còn nhỏ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà

Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tiến hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định.

[2] Bị cáo Nguyễn Trần Khương D đã thực hiện hành vi lén lút để trộm 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59X2-004.99; nhãn hiệu Suzuki, số loại Viva; loại xe hai bánh; số máy: 8VN-114690; số khung: FVN-114690; dung tích 110; màu xanh của ông Trương Thành S tại khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Viva, màu xanh, biển số 59X2-004.99 có giá trị thành tiền tại thời điểm chiếm đoạt là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Khương D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trần Khương D đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo đã nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, nhưng bị cáo không nghề nghiệp, nghiện ma túy. Do ý thức xem thường pháp luật mà dẫn đến phạm tội, với tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Trần Khương D thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo nên xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn mới có tác dụng răng đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trương Thành S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 4.200.000 đồng và bị cáo Nguyễn Trần Khương D đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông Đỗ Văn H, xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên được ghi nhân.

[6] Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Nguyễn Trần Khương D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trần Khương D phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Khương D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Trương Thành S vắng mặt không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trần Khương D bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H 4.200.000 đồng.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Khương D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hàn0h án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Công an thành phố Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN THỊ BÍCH LỘC